

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH TRÌ****- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:***Ông Đỗ Văn Nghiêm***Các Hội thẩm nhân dân:***1. Ông Trần Văn Huy****2. Ông Nguyễn Đức Thành**

- Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Bà Đặng Thị Thanh Huyền - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thanh Trì, thành phố Hà Nội.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Trì tham gia phiên tòa: Ông Tô Xuân Tùng - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 01 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thanh Trì, thành phố Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai vụ án HN&GD thụ lý số: 498/2018/TLST-HN&GD ngày 12 tháng 12 năm 2018, về tranh chấp hôn nhân và gia đình theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 06/2019/QĐXX-ST ngày 14 tháng 01 năm 2019 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh Hoàng Đức T, sinh năm 1983; HKTT: phường L, Quận Đ, thành phố Hà Nội; Chỗ ở: xã V, huyện T, thành phố Hà Nội.

Bị đơn: Chị Nguyễn Thị Thu H, sinh năm 1982; HKTT: phường L, Quận Đ, thành phố Hà Nội; Chỗ ở: xã V, huyện T, thành phố Hà Nội.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 02/07/2018 và các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án của anh Hoàng Đức T như sau:

Về tình cảm: Tôi kết hôn với chị Nguyễn Thị Thu H trên cơ sở tự nguyện, được tự do tìm hiểu và có đăng ký kết hôn tại UBND phường L, Quận Đ, thành phố Hà Nội vào ngày 11/08/2011. Sau khi kết hôn phần lớn thời gian vợ chồng chung sống tại phường L, Quận Đ, thành phố Hà Nội cho đến khoảng tháng 5/2018 thì chuyển về ở xã V, huyện T, thành phố Hà Nội. Vợ chồng chung sống bình thường đến khoảng đầu năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cãi nhau về vấn đề kinh tế và nuôi dạy con cái. Mâu thuẫn của hai vợ chồng là hoàn toàn xuất phát từ chính bản thân hai vợ chồng, không liên quan đến bố mẹ và chịu sự tác động từ phía bố mẹ; do chị H cư xử không đúng mực với bố mẹ tôi nên giữa chị H và bố mẹ tôi bất đồng ngày càng căng thẳng, nhưng đó không phải lý do khiến cho vợ chồng ly hôn. Chính bản thân hai vợ chồng đã thường xuyên xảy ra mâu thuẫn từ trước khi chuyển về sống cạnh bố mẹ tôi tại Thôn 3, xã V. Ngay cả khi chuyển về ở cạnh bố mẹ tôi thì vợ chồng cũng ăn riêng ở riêng không thường xuyên tiếp xúc với bố mẹ tôi nên không thể cho rằng mâu thuẫn là do bố mẹ tôi tác động. Đến tháng 8/2018, do mâu thuẫn vợ chồng gay gắt nên chị H đã làm

đơn xin ly hôn gửi cho tôi ký và bỏ về nhà mẹ đẻ, từ đó đến nay vợ chồng sống ly thân, không ai quan tâm đến ai cả về kinh tế lẫn tình cảm. Trong thời gian bỏ đi, chị H đã có hành vi cư xử không đúng mực của người làm vợ và của người con dâu, gây ảnh hưởng nghiêm trọng đến quan hệ giữa hai vợ chồng, quan hệ giữa hai bên gia đình thông gia, ảnh hưởng đến cuộc sống của các con, khiến cho mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trở nên trầm trọng không thể khắc phục được. Mâu thuẫn của chúng tôi đã được hai bên gia đình và chính quyền địa phương biết, thậm chí gia đình chị H đã 02 lần sang nhà tôi gây hấn và xảy ra xô xát khiến tôi phải báo chính quyền địa phương can thiệp. Nay tôi xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, tôi xin được ly hôn với chị H.

Về con chung: Chúng tôi có 02 con chung là cháu Hoàng Thu N, sinh ngày 08/11/2011 và cháu Hoàng Thảo L, sinh ngày 13/09/2014. Ly hôn, tôi có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cháu L và giao cháu N cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng theo nguyện vọng của cháu N và đây cũng là mong muốn của chị H khi viết đơn xin ly hôn lần đầu với tôi. Mỗi bên nuôi một con không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho nhau. Tôi hiện tại đang làm việc tại Công ty cổ phần tư vấn và xây dựng Đ, thu nhập bình quân ổn định khoảng 10.000.000 đồng/tháng và có chỗ ở ổn định cùng bố mẹ tại xã V, huyện T, thành phố Hà Nội. Bố mẹ tôi cũng đồng ý cho tôi và con ở cùng, đồng thời có thể hỗ trợ tôi chăm sóc cháu. Vì vậy, tôi đảm bảo mình có đủ điều kiện về chỗ ở và kinh tế để trực tiếp nuôi dưỡng cháu L. Việc mỗi bên nuôi một con sẽ đảm bảo điều kiện chăm sóc cho các cháu.

Về tài sản chung, nhà đất chung: Chúng tôi tự giải quyết không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về công nợ chung: Tôi khẳng định không có công nợ chung. Nếu sau khi ly hôn có người nào yêu cầu giải quyết về công nợ chung của vợ chồng tôi thì tôi tự chịu trách nhiệm trước pháp luật.

Về án phí: Tôi tự nguyện chịu cả án phí ly hôn sơ thẩm, tôi đã nộp tại chi cục thi hành án dân sự huyện Thanh Trì, thành phố Hà Nội.

Theo các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và lời trình bày của chị Nguyễn Thị Thu H như sau:

Quá trình vợ chồng kết hôn và chung sống chủ yếu ở phường L, Quận Đ, thành phố Hà Nội, đến tháng 6/2018 chuyển về xã V, huyện T, thành phố Hà Nội như anh T đã trình bày. Vợ chồng chúng tôi chung sống hòa thuận không có mâu thuẫn gì lớn. Việc tôi bỏ về nhà bố mẹ đẻ từ tháng 6/2018 đến nay là vì phải chịu quá nhiều áp lực do bố mẹ chồng gây sức ép, đối xử hà khắc với tôi, mắng chửi tôi và gia đình tôi, vì lý do tôi không sinh được con trai; con gái thứ hai còn bị mắc bệnh trầm cảm chưa biết nói. Khi tôi về nhà bố mẹ đẻ, anh T không có ý định hòa giải đưa tôi về mà nói rằng chúng tôi không thể quay về đoàn tụ được nữa. Thậm chí anh T còn cùng em gái lục tung nhà tôi để lấy sổ hộ khẩu khiến bố tôi và các cô quá bức xúc đã sang nhà anh T làm rõ chuyện. Mọi việc căng thẳng từ trước đến nay đều do bố mẹ chồng tôi tác động dẫn đến mâu thuẫn chứ bản thân hai vợ chồng tôi không có mâu thuẫn gì lớn, anh T thì không phân biệt đúng sai luôn bên vực bố mẹ đẻ, thậm chí có lần còn tát tôi trước mặt bố mẹ. Tuy nhiên, tôi thấy vợ chồng vẫn còn tình cảm, mâu thuẫn hoàn toàn có

thể khắc phục được nếu vợ chồng không sống cùng bố mẹ chồng, vì vậy tôi không đồng ý ly hôn với anh T.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là cháu Hoàng Thu N, sinh ngày 08/11/2011 và cháu Hoàng Thảo L, sinh ngày 13/09/2014. Trường hợp phải ly hôn, tôi có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cả 02 con chung. Tôi hiện đang làm giáo viên tại Trung tâm A ở quận H; thu nhập bình quân khoảng 12.000.000 đồng/tháng. Thời gian đầu về nhà bố đẻ tôi đưa cả 02 con đi cùng nhưng sau đó điều kiện nhà ở bên nhà bố tôi không đảm bảo nên đã đưa 02 con sang để anh T chăm sóc. Thời gian này tôi đã có việc làm, có kinh tế để nuôi dưỡng các cháu. Về chỗ ở, bố tôi là ông Nguyễn Đức N sắp bán đất ở quận T để lấy tiền xây nhà cho mẹ con chúng tôi ở cùng. Vì vậy, tôi đảm bảo mình có đủ điều kiện để trực tiếp nuôi dưỡng cả 02 con chung. Việc cấp dưỡng hai vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nhà đất chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về công nợ chung: Tôi khẳng định không có công nợ chung. Nếu sau khi ly hôn có người nào yêu cầu giải quyết về công nợ chung của vợ chồng tôi thì tôi tự chịu trách nhiệm trước pháp luật.

Đại diện VKSND huyện Thanh Trì tham gia phiên toà xác định:

Quá trình thụ lý giải quyết vụ án cũng như tại phiên toà, Thẩm phán, Thư ký được phân công giải quyết vụ án đã thực hiện đúng các quy định, như: Điều tra, xác minh thu thập chứng cứ đúng quy định pháp luật tố tụng. Các đương sự được tạo mọi điều kiện để thực hiện các quyền và nghĩa vụ tố tụng dân sự; Nguyên đơn thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng; bị đơn được tạo mọi điều kiện tố tụng nhưng chưa thực sự hợp tác giải quyết. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 56, 58, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình và Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận đơn xin ly hôn của anh T; cho anh T được ly hôn chị H; giao mỗi người nuôi 01 con chung, không bên nào phải cấp dưỡng cho bên nào. Các anh chị được quyền thăm no chăm sóc giáo dục con chung không ai được ngăn cản.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu toàn diện các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên toà; ý kiến quan điểm giải quyết vụ án của đại diện Viện Kiểm sát tham gia phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định vụ án như sau:

1. Về tố tụng: Nguyên đơn, bị đơn cư trú trên địa bàn huyện T, thành phố Hà Nội; nguyên đơn có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết vụ án ly hôn; Tòa án nhân dân huyện Thanh Trì thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền được quy định tại khoản 1, 7 Điều 28, Điều 35 và Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự [1].

2. Về quan hệ hôn nhân và yêu cầu của các bên:

Xét quan hệ hôn nhân giữa anh T và chị H là hôn nhân tự nguyện, có đăng ký kết hôn, cuộc sống vợ chồng sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, không có tiếng nói chung. Đặc biệt từ tháng 6/2018 đến nay vợ chồng phát sinh mâu thuẫn trầm trọng và đã sống ly thân, không ai quan tâm đến ai cả về kinh tế lẫn tình cảm. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành hòa giải cho các bên để về đoàn tụ nuôi dạy con cái, nhưng anh T cương quyết xin được ly hôn với chị H. Tòa án đã thu thập chứng cứ tại địa

phương được biết: Về mâu thuẫn vợ chồng là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung; ngoài mâu thuẫn của hai vợ chồng thì còn mâu thuẫn mẹ chồng nàng dâu; hai bên thông gia cũng có xích mích từ nguyên nhân của hai vợ chồng, dẫn đến mâu thuẫn ngày càng căng thẳng và trầm trọng khó có thể đoàn tụ. Hội đồng xét xử xét mâu thuẫn giữa anh T và chị H là trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, yêu cầu của anh T xin ly hôn với chị H là có cơ sở, nên Hội đồng xét xử chấp thuận đơn xin ly hôn của anh T; áp dụng điều 51, 56, 57, 58 Luật Hôn nhân và gia đình cho anh T được ly hôn với chị H là có căn cứ [2].

3. Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là cháu Hoàng Thu N, sinh ngày 08/11/2011 và cháu Hoàng Thảo L, sinh ngày 13/09/2014. Anh T nhận nuôi cháu Hoàng Thảo L là hợp lý, vì hiện cháu L bị bệnh trầm cảm cần giao cho người có điều kiện về kinh tế chăm sóc cho cháu; hiện nay anh T ở cùng bố mẹ, có chỗ ăn ở; có công ăn việc làm và có thu nhập ổn định. Chị H yêu cầu được nuôi cả hai con là chưa hợp lý, vì chị H hiện nay chưa có công ăn việc làm và thu nhập ổn định (Tòa án yêu cầu chị H xuất trình căn cứ để chứng minh chị có công ăn việc làm và có thu nhập ổn định, nhưng chị H không cung cấp được); tuy nhiên việc chị H yêu cầu được nuôi con chung là chính đáng, thể hiện tính nhân văn của người mẹ Việt Nam, đồng thời cũng là nguyện vọng của cháu Hoàng Thu N. Hội đồng xét xử thống nhất giao cháu N cho chị H nuôi dưỡng. Các bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau và được quyền thăm nom chăm sóc giáo dục con chung không ai được năm cản.

4. Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không xem xét giải quyết [4].

Về công nợ: Anh T và chị H khẳng định vợ chồng không vay mượn ai, nếu sau khi ly hôn có người nào đến yêu cầu Tòa án giải quyết về việc vợ chồng vay nợ thì chị chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật [5].

5. Về án phí: Căn cứ pháp lệnh lệ phí, án phí Tòa án và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội thì anh Hoàng Đức T phải chịu toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm [6].

6. Về quyền kháng cáo: Anh T, chị H có quyền kháng cáo bản án theo luật định của pháp luật [7].

Từ nhận định trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 144, Điều 147, Điều khoản 1 Điều 228; Điều 271, Điều 273 của Bộ Luật tố tụng dân sự;

Áp dụng các Điều 51, Điều 54, Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu án phí, lệ phí Tòa án, tạm ứng án phí, tạm ứng lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận đơn ly hôn của anh Hoàng Đức T đối với chị Nguyễn Thị Thu H. Anh T được ly hôn chị H.

2. **Về con chung:** Anh Hoàng Đức T được quyền nuôi cháu Hoàng Thảo L sinh ngày 13/09/2014. Chị Nguyễn Thị Thu H được nuôi cháu Hoàng Thu N, sinh ngày 08/11/2011. Các bên không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho nhau hoặc đến khi có thay đổi khác. Các bên được quyền thăm nom chăm sóc giáo dục con chung không ai được ngăn cản.

3. **Về tài sản chung:** Không có, nên không xem xét giải quyết,

4. **Về công nợ:** Anh T và chị H khẳng định vợ chồng không vay mượn ai, nếu sau khi ly hôn có người nào đến yêu cầu Tòa án giải quyết về việc vợ chồng vay nợ thì anh, chị chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật.

5. **Về án phí:** Anh Hoàng Đức T phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí ly hôn sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) anh T đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu tiền số 0008402 ngày 11/12/2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thanh Trì, thành phố Hà Nội.

Án xử công khai sơ thẩm, đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên bản án ./.

Nơi nhận

- TANDTP Hà Nội;
- VKSND huyện Thanh Trì;
- Chi cục THA huyện Thanh Trì;
- đương sự;
- Lưu hồ sơ;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(đã ký)

Đỗ Văn Nghiêm